

**Họ và tên: Trần Việt Khánh**

**Mã sinh viên: 0852010102**

**Bài tập môn: Nguyên lý hoạt động ngân hàng**

**Đề bài:** *Phân tích, đánh giá hoạt động SX kinh doanh của 1 NHTM dựa trên các số liệu từ bảng báo cáo TC của NH (ít nhất 3 năm). Trong khi phân tích phải nêu rõ được cấu trúc nguồn vốn, tài sản của ngân hàng và tình hình kinh doanh của NH trong thời gian đó ( lãi ,lỗ ,nợ xấu,...)*

## **PHÂN TÍCH BCTC Ở NHTM CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG 2008 - 2010**

### **1. Giới thiệu chung về ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (tên giao dịch là VPBank) tiền thân là Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh Việt Nam được thành lập theo giấy phép số 0042/NH – GP do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 12/8/1993 và giấy phép số 1535/QĐ – UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 4/9/1993. Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 10/9/1993.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam.
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá
- Góp vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các ngân hàng
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép
- Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành
- Cung cấp các dịch vụ về đầu tư, quản lý nợ và khai thác tài sản

### Tầm nhìn:

Đến năm 2014 trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam và top 5 ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

## **2. Phân tích BCTC ở VPBank.**

### **2.1. Phân tích khái quát cơ cấu tài sản – nguồn vốn.**

(Đơn vị: tỷ đồng)

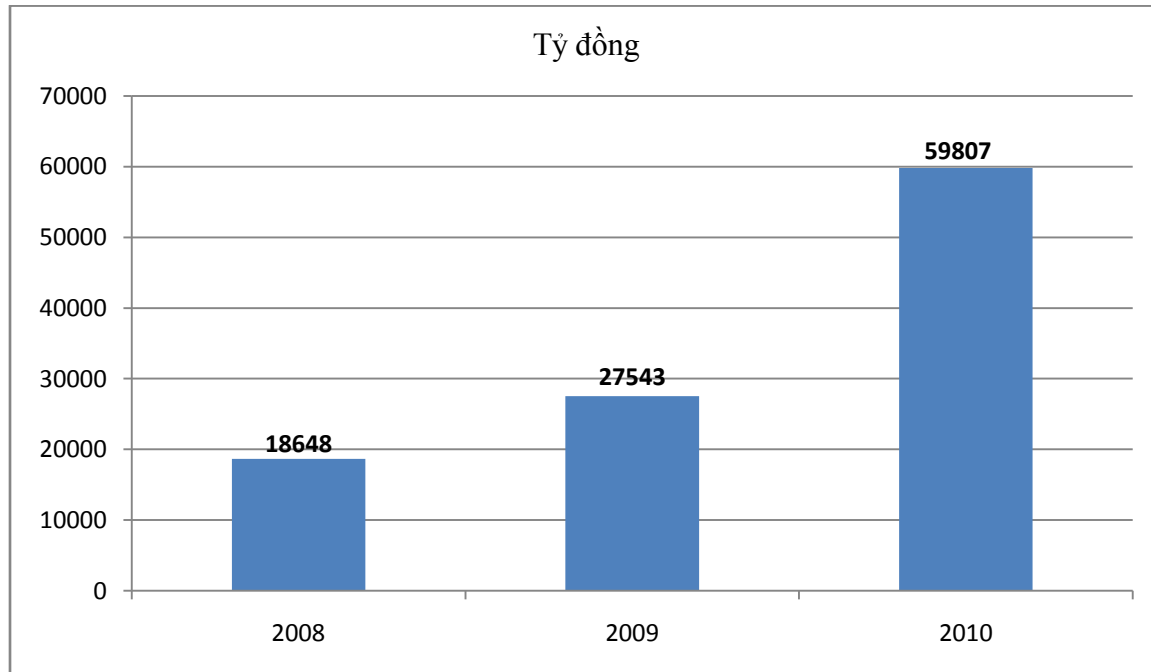
Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		31/12/2010	
	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Tài sản</b>						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	509.976	2,73%	355.430	1,29%	329.920	0,55%
Tiền gửi tại NHNN	730.651	3,92%	758.497	2,75%	560.224	0,94%
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	1.543.899	8,28%	7.383.093	26,8%	11.625.637	19,44%
Chứng khoán kinh doanh	77.300	0,41%	57.125	0,21%	2.127.700	3,56%
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.129	0,01%	0	0%	156	0,00026%
Cho vay khách hàng	12.904.143	69,2%	15.682.819	56,94%	25.094.534	41,96%
Chứng khoán đầu tư	1.773.585	9,51%	2.291.943	8,32%	11.421.870	19,1%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	153.477	0,82%	45.778	0,17%	147.738	0,25%
Tài sản cố định	368.035	1,97%	326.237	1,18%	349.889	0,59%
Tài sản có khác	584.435	3,13%	642.084	2,33%	8.149.355	13,63%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>18.647.630</b>	<b>100%</b>	<b>27.543.006</b>	<b>100%</b>	<b>59.807.023</b>	<b>100%</b>

<b>Nợ phải trả</b>						
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0%	315.848	1,15%	1.216.381	2,03%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.278.065	6,85%	7.476.782	27,15%	13.781.961	23,04%
Tiền gửi của khách hàng	14.230.102	76,31%	16.489.544	59,87%	23.969.645	40,08%
Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ nợ tài chính khác	0	0%	8.068	0,03%	0	0%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	100.759	0,00054%	161.799	0,59%	119.794	0,2%
Phát hành giấy tờ có giá	0	0%	0	0%	9.631.647	16,1%
Các khoản nợ khác	686.106	3,68%	542.980	1,97%	5.882.864	9,84%
<i>Tổng nợ phải trả</i>	<i>16.295.032</i>	<i>87,38%</i>	<i>24.995.021</i>	<i>90,75%</i>	<i>54.602.292</i>	<i>91,3%</i>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>						
Vốn của tổ chức tín dụng	2.290.546	12,28%	2.290.546	8,32%	4.617.389	7,72%
Quỹ của TCTD	91.671	0,49%	127.974	0,46%	88.071	0,15%
Lợi nhuận chưa phân phối	(29.619)	(0,16%)	129.465	0,47%	499.271	0,83%
<i>Tổng vốn chủ sở hữu</i>	<i>2.352.598</i>	<i>12,62%</i>	<i>2.547.985</i>	<i>9,25%</i>	<i>5.204.731</i>	<i>8,7%</i>
Tổng nguồn vốn	18.647.630	100%	27.543.006	100%	59.807.023	100%

Nhìn vào bảng trên có thể nhận thấy:

Về tài sản:

### **Tổng tài sản**



Trong vòng 3 năm vừa qua thì tổng tài sản của ngân hàng đã có sự tăng lên một cách rõ rệt, thể hiện qua tốc độ tăng là 320,72% từ mức 18.647.630 tỷ đồng năm 2008 lên tới 59.807.023 năm 2010. Đóng góp đáng kể vào kết quả này chính là việc một số khoản mục đã có sự gia tăng không ngừng, có thể kể đến như: Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Chứng khoán đầu tư.

Bên cạnh đó thì tỷ trọng của các khoản mục qua các năm cũng đã có những sự thay thế, hoán đổi về vị trí nhưng vị trí dẫn đầu về tỷ trọng vẫn luôn là khoản mục Cho vay khách hàng. Điều này là dễ hiểu bởi VPBank là một ngân hàng thương mại và chức năng chính là trung gian tín dụng trong nền kinh tế, hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân luôn là ưu tiên hàng đầu. Hoạt động này đang tồn tại hai xu hướng song song, đối lập nhau: gia tăng về số lượng nhưng giảm dần về tỷ trọng (từ 69,2% - 56,94% - 41,96%). Có sự đối lập này bởi VPBank đã chuyển hướng từ chứng khoán đầu tư (9,51% - xếp thứ 2 về tỷ trọng năm 2008) sang khoản mục Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (xếp thứ 2 về tỷ trọng năm 2009 và 2010 lần lượt là 26,8%, 19,44%).

### Về nguồn vốn:

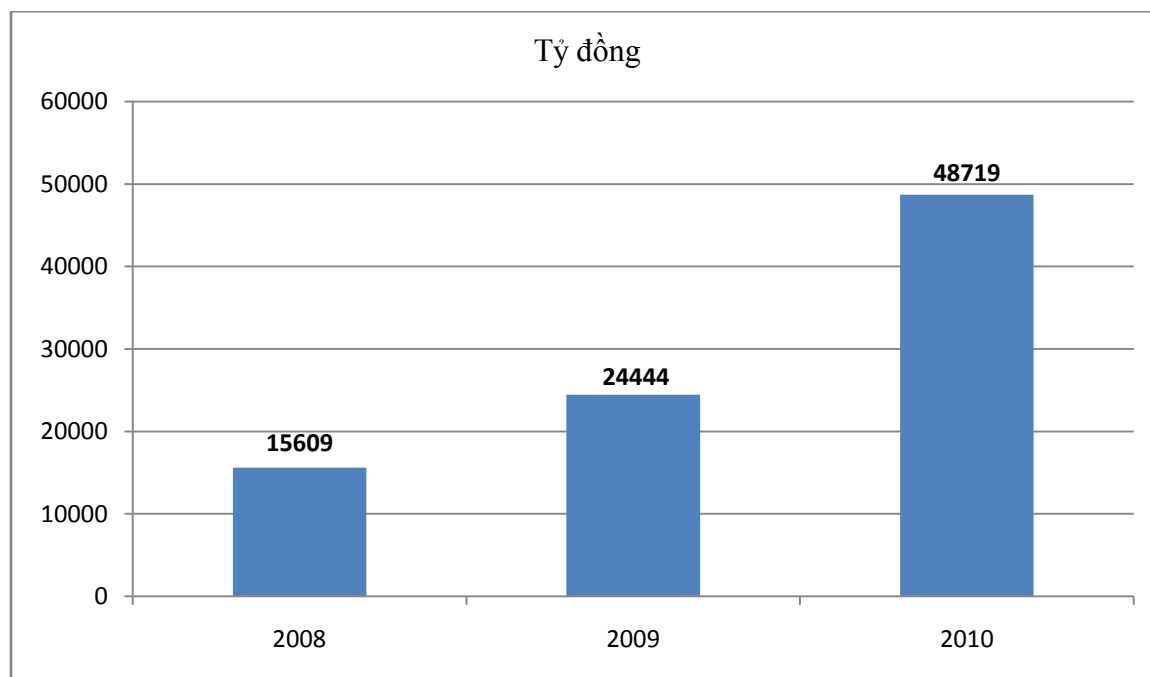
Dễ dàng nhận thấy trong cơ cấu nguồn vốn thì nguồn vốn chủ sở hữu đang có sự giảm dần về tỷ trọng qua các năm từ mức 12,62% năm 2008 đến 8,7% năm 2010. Mặc dù điều này có thể giúp ROE của ngân hàng tăng lên nhưng các nhà quản lý cũng cần cân nhắc không nên giảm thêm cơ cấu tỷ trọng của nguồn vốn quan trọng này trong những năm tiếp theo để đảm bảo an toàn vốn. Có sự giảm về tỷ trọng vốn chủ sở hữu nhưng sự thật là nguồn vốn này vẫn tăng nhẹ qua các năm về lượng nhờ vào việc phát hành chứng khoán ra công chúng kể từ khi VPBank cổ phần hóa và có thể huy động thêm vốn trong những năm tiếp theo.

Một nguồn vốn còn lại là nợ phải trả cũng chứng kiến tốc độ tăng rất lớn lên tới 335,09% (từ mức 16.295.032 năm 2008 đến 54.602.292 tỷ đồng năm 2010), kèm theo đó là tỷ trọng nợ phải trả cũng tăng dần đều trong suốt thời kỳ này. Cũng như nhiều ngân hàng thương mại khác, tiền gửi của khách hàng vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất. Khoản mục này có sự giảm dần về tỷ trọng nhưng lại tăng dần về lượng. Qua đây cũng có thể thấy được hoạt động thu hút vốn từ khách hàng của VPBank đang tốt dần lên nhờ vào thương hiệu và chất lượng dịch vụ của ngân hàng đang dần định hình trong lòng công chúng.

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 đạt mức âm 29.619 tỷ đồng một phần cũng là do khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động đến mọi lĩnh vực. Tuy nhiên bức tranh kinh tế nói chung và VPBank nói riêng đã chứng kiến sự khởi sắc và phục hồi dần khi khoản mục này đã tăng lên 129.465 và 499.271 tỷ đồng qua 2 năm 2009 và 2010. Trong những năm tới lợi nhuận công ty hứa hẹn sẽ còn tăng cao hơn nữa khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp mọc lên và nhu cầu vay vốn từ ngân hàng ngày càng nóng.

Bây giờ chúng ta sẽ phân tích sâu thêm về vốn huy động của ngân hàng và cơ cấu của nguồn vốn này vì như đã biết thì đây chính là một nguồn vốn đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động của mọi ngân hàng và VPBank không phải ngoại lệ

## Vốn huy động



## Cơ cấu nguồn vốn huy động

(Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Tổng nguồn vốn huy động	15.609	24.444	48.719
Huy động vốn từ khách hàng. Trong đó:	14.230	16.490	23.970
<i>Tiền gửi tiết kiệm</i>		12.953	17.235
<i>Tiền gửi thanh toán và tiền gửi khác</i>		3.537	6.735
Huy động vốn từ TCTD	1.278	7.477	13.782
Phát hành giấy tờ có giá	0	0	9.631
Huy động khác	101	477	1.336

Tất cả các chỉ tiêu trong bảng cơ cấu nguồn vốn huy động đều có sự tăng lên về số lượng. Tổng nguồn vốn huy động năm 2009 tăng gấp 156,6% năm 2008; năm 2010 mức tăng tương đối thậm chí còn cao hơn lên tới là 199,31% so với năm 2009. Trong năm 2010, VPBank cũng đã phát hành giấy tờ có giá trị là 9.631 tỷ đồng. Đây là một hoạt động hứa hẹn sẽ còn được ngân hàng thực hiện trong những năm tới nhất là khi Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và nhu cầu trao đổi và chiết khấu giấy tờ có giá đang vô cùng lớn.

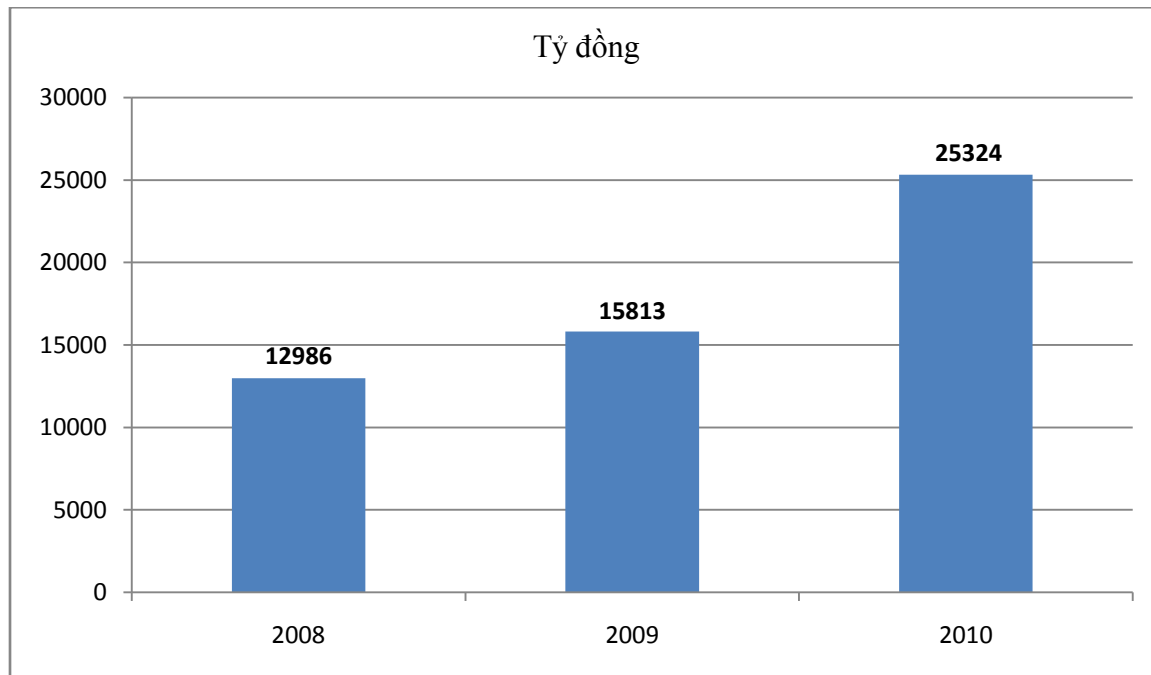
Trong hoạt động huy động vốn từ khách hàng thì khoản mục tiền gửi tiết kiệm vẫn chiếm phần lớn tỷ trọng. Ngoài ra cũng có thể thấy ngân hàng cũng đã tạo ra nhiều sản phẩm dịch vụ thẻ thanh toán để đáp ứng nhu cầu tiền mặt có thể rút ra bất cứ lúc nào của công chúng gửi tiền. Đây cũng là xu hướng chung trong thời buổi mà thương mại điện tử đang phát triển như vũ bão thì ngân hàng nào muốn phát triển đều phải tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng một cách tốt nhất và VPBank chính là một ví dụ điển hình.

## 2.2. Một số chỉ tiêu hoạt động chính

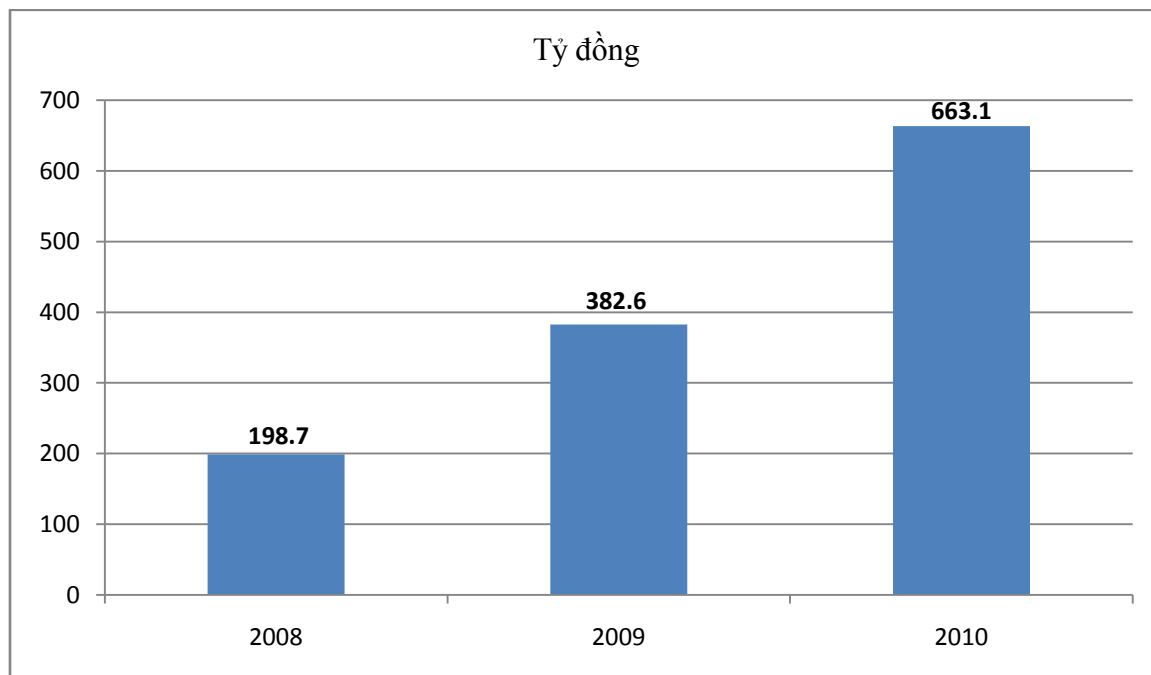
(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Tổng tài sản	18.648	27.543	59.807
Nguồn vốn huy động	15.609	24.444	48.719
Dư nợ tín dụng	12.986	15.813	25.324
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3,41%	1,63%	1,2%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	198,7	382,6	663,1
Vốn điều lệ	2.117	2.117	4.000
ROA	0,8%	1,3%	1,15%
ROE	6,7%	13,9%	22,65%

### Dư nợ cho vay



### Lợi nhuận trước thuế



Nhìn vào bảng trên có thể thấy rằng tỷ lệ nợ xấu đã giảm dần qua 3 năm. Như đã biết nợ xấu chính là tác nhân trực tiếp khiến cho các ngân hàng rơi vào tình trạng khó khăn trong luân chuyển vốn, thậm chí dẫn đến khủng hoảng hệ thống khi chỉ số này vượt mức giới hạn. Việc



giảm dần được chỉ số rất quan trọng này được ghi nhận là một nỗ lực của VPBank trong việc thẩm định các dự án vay vốn đầu tư của cá nhân và doanh nghiệp. Điều này đã góp phần vào việc lợi nhuận trước thuế hợp nhất đã có tốc độ tăng trưởng là 333,72% từ 2008 đến 2010.

Kết quả này đến vào thời điểm mà toàn bộ hệ thống ngân hàng trên thế giới ít nhiều bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và nó càng cho thấy hướng đi đúng đắn của VPBank trong hoạt động kinh doanh. Ngân hàng hạn chế những khoản đầu tư mạo hiểm như chứng khoán, nhà đất.. mà đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư nhằm phân tán rủi ro. Năm 2010 cũng đánh dấu việc VPBank nâng mức vốn điều lệ từ 2.117 lên 4.000 tỷ đồng. Động thái này không chỉ thể hiện việc ngân hàng đang mở rộng phạm vi kinh doanh và tiềm lực tài chính mà còn nâng cao hệ số tín nhiệm cho ngân hàng.

Như đã phân tích ở phần cơ cấu nguồn vốn thì việc ROE tăng cao ấn tượng như trên có nguyên nhân cốt lõi là việc tỷ trọng vốn chủ sở hữu của VPBank đang giảm dần. Mức giảm này là có thể chấp nhận được trong bối cảnh mà ngân hàng đã chuyển đổi hình thức cổ phần và việc huy động thêm nguồn vốn có thể thực hiện vào bất cứ lúc nào. Hầu hết các chỉ tiêu đều mang lại cái nhìn tích cực từ phía các nhà đầu tư đối với ngân hàng VPBank.